

Số: 04/2025/QĐVDS-ST
Ngày 06/01/2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân thực tế

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thụnh phÇn giải quyết việc dân sự gồm có:

- *Chủ tọa phiên họp:* Bà **Tạ Thị Ninh**.
- *Thư ký phiên họp:* Bà **Nguyễn Thị Hải** - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân huyện TT, thành phố Hà Nội.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tham gia phiên họp:* Ông **Triệu Văn Tiến**- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TT, thành phố Hà Nội mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 346/2024/TLST- VDS ngày 24 tháng 12 năm 2024 về việc: Yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân thực tế, theo Quyết định mở phiên họp số: 12/2024/QĐST-VDS ngày 31/12/2024, giữa:

1. *Người yêu cầu:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1963. Địa chỉ: Thôn 84, xã K, huyện TT, TP. Hà Nội (có mặt).

2. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1974. Địa chỉ: Thôn 84, xã K, huyện TT, TP. Hà Nội (có mặt).

NỘI DUNG VỤ VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu và bản tự khai tại Tòa án của ông Lê Văn T trình bày thì: Ông và bà Nguyễn Thị T2 kết hôn với nhau vào năm 1990, có đăng ký kết hôn ngày 12/10/1990 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện TT, Thành phố Hà Nội trên cơ sở tự nguyện. Tại thời điểm đó do bà T2 chưa đủ 18 tuổi không được đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên đã tự khai tăng tuổi là

sinh vào ngày 12/02/1970 để được đăng ký kết hôn, thực tế là bà T2 sinh ngày 02/02/1974.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc từ đó đến nay và đã có 02 con chung là Lê Mạnh Hùng, sinh ngày 27/6/1991 và Lê Thị Trang, sinh ngày 17/6/1994. Do ngày, tháng, năm sinh của bà T2 trong giấy chứng nhận đăng ký kết hôn khác với ngày, tháng, năm sinh trong Căn cước công dân và giấy khai sinh, điều này gây khó khăn cho ông và bà T2 trong việc thực hiện các giao dịch dân sự. Do vậy ông đề nghị huỷ việc kết hôn trái pháp luật giữa ông và bà Nguyễn Thị T2 theo Chứng nhận kết hôn số 23 quyền số 01 ngày 12/10/1990, đồng thời công nhận quan hệ hôn nhân thực tế cho ông và bà T2 theo quy định của pháp luật kể từ ngày bà T2 đủ tuổi đăng ký kết hôn là ngày 03/02/1992 .

Tại bản khai của bà Nguyễn Thị T2 cũng xác nhận sau khi đăng ký kết hôn và tổ chức lễ cưới theo phong tục thì vợ chồng bà vẫn sống hạnh phúc từ đó đến nay và đã có hai con chung, song đã làm ảnh hưởng đến các giao dịch dân sự, bà cũng đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân thực tế cho ông bà theo quy định của pháp luật kể từ ngày 03/02/1992.

Tại biên bản xác minh ngày 31/12/2024 UBND xã K cho biết ngày 12/10/1990 UBND xã K đã tiến hành đăng ký kết hôn cho ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T2 theo quy định nhưng thời điểm đó cán bộ thực hiện việc đăng ký kết hôn có kiểm tra giấy khai sinh, chứng minh nhân dân của ông T, bà T2 không thì hiện tại UBND xã không nắm được vì cán bộ thời kỳ đó đã không còn làm việc tại xã nữa. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết yêu cầu của ông T, bà T2 theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên họp, ông T, bà T2 vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ việc dân sự: Tòa án nhân dân huyện TT đã thụ lý, giải quyết việc dân sự đúng thẩm quyền; việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng và các thời hạn đảm bảo đúng quy định pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Tòa án áp dụng điểm g khoản 2 Điều 39, Điều 361, 369, 370 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 10, 11 Luật Hôn nhân và gia đình: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Doãn Chấn. Căn cứ Điều 144, 149 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:
Ông Lê Văn T phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ cả trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện TT nhận định:

[1] Ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị T2 đều có nơi cư trú tại thôn 84, xã K, huyện TT, Thành phố Hà Nội và có đăng ký kết hôn tại xã K, huyện TT, Thành phố Hà Nội, nên Tòa án nhân dân huyện TT thụ lý đơn yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của ông T là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ngày 12/10/1990, ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị T2 đến làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện TT thành phố Hà Nội. Thực tế bà T2 sinh ngày 02/02/1974, nhưng do bà T2 chưa đủ tuổi nên đã tự khai cho mình sinh ngày 12/02/1970, để được đăng ký kết hôn, dẫn đến Ủy ban nhân dân xã K, huyện TT, thành phố Hà Nội đã đăng ký kết hôn cho ông T, bà T2 là vi phạm điều kiện kết hôn quy định tại Điều 5 Luật HN&GD năm 1986. Về phía UBND xã K đã tin tưởng không kiểm tra các tài liệu về điều kiện kết hôn là lỗi thuộc về người có thẩm quyền giai đoạn năm 1990. Nay ông T, bà T2 thấy việc khai không trung thực để được đăng ký kết hôn đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông, nên yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân thực tế cho ông và bà T2. Bà T2 cũng xác nhận sau khi đăng ký kết hôn và tổ chức lễ cưới theo phong tục thì vợ chồng bà vẫn sống hạnh phúc từ đó đến nay và đã có 02 con chung, song đã làm ảnh hưởng đến các giao dịch dân sự nên đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân thực tế cho ông bà theo quy định của pháp luật.

Do vậy có căn cứ để chấp nhận yêu đơn yêu cầu của ông Lê Văn T về yêu cầu Hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân thực tế giữa ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T2 kể từ ngày 03/02/1992 là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] LỖ PHÍ GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ: Ông T phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

Quyết định:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 39, Điều 361, 369, 370 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 10, 11 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 144, 149 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn T về huỷ việc kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân thực tế:

1.1. Hủy việc Đăng ký kết hôn trái pháp luật giữa ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T2 tại Chứng nhận kết hôn số 23 quyển số 01 ngày 12/10/1990 của Ủy ban nhân xã K, huyện TT, thành phố Hà Nội.

1.2. Công nhận hôn nhân thực tế giữa ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T2 kể từ ngày 03/02/1992.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Lê Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền tạm ứng đó nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0058851 ngày 24/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, thành phố Hà Nội.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị T2 cả quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định của Tòa án trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra Quyết định. Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra Quyết định.

Nội dung:

- TAND thành phố Hà Nội;
- CC Thi hành án dân sự huyện TT;
- VKSND huyện TT;
- Người yêu cầu; người có QLVLQ;
- UBND xã K.
- Luật sư, VP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Tạ Thị Ninh